

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:1629/2023/KDTM-ST
Ngày: 22 - 8 - 2023
V/v tranh chấp về chậm thực hiện
nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ Tòa án nhân dân
quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên
tòa:** Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận
Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0300/2021/TLST-KDTM
ngày 05 tháng 3 năm 2021, tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng
7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* là Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C; địa
chỉ: đường T, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà S, đại diện theo ủy quyền
(Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 6 năm 2021 và văn bản ủy quyền ngày 26
tháng 6 năm 2023) (Có đơn đề nghị vắng mặt);

2. *Bị đơn* là Công ty cổ phần Đầu tư A; địa chỉ: đường K, Phường B,
quận U, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông L, Tổng giám đốc công ty -
đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Thôn V, xã D, thành phố H, tỉnh H (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C và Công ty cổ phần Đầu tư A ký kết hợp đồng kinh tế số 801/HĐKT-TC ngày 01 tháng 10 năm 2017 về việc mua bán vải địa kỹ thuật cho công trình I, tiếp đến ngày 01 tháng 3 năm 2018, đôi bên đã ký phụ lục hợp đồng số 01 để điều chỉnh mức giá sản phẩm trong hợp đồng kinh tế nêu trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần Đầu tư A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C số tiền là: 455.097.140 đồng nhưng cho đến nay Công ty cổ phần Đầu tư A vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nên Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C yêu cầu Tòa án xem xét buộc Công ty cổ phần Đầu tư A phải trả số tiền còn thiếu nêu trên và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất là 7,95%/năm (tương đương 0,6625%/tháng).

Bị đơn là Công ty cổ phần Đầu tư A và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông L đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng cũng không đến Tòa án để đưa ra ý kiến và nộp các tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Thẩm phán xác định vụ án dân sự tranh chấp đúng theo quy định tại Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng thủ tục nhận và xử lý đơn yêu cầu giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại các điều 191, 195, 196, 197 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ;

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn và người đại diện theo pháp luật của công ty đến Tòa để đưa ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bị đơn và người đại diện theo pháp luật của công ty vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ kiện: Cụ thể căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 801/HĐKT-TC ngày 01 tháng 10 năm 2017, các biên bản giao nhận hàng, biên bản đối chiếu công nợ ngày 18 tháng 8 năm 2016, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện việc mua bán hàng hóa là vải địa kỹ thuật cho công trình I, trong đó nguyên đơn là bên bán hàng, bị đơn là bên mua hàng. Tại biên bản đối chiếu công nợ năm 2020 (không ghi ngày tháng), bị đơn xác nhận tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 còn nợ số tiền 455.097.140 đồng, nhưng cho đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nêu trên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại, nên được chấp nhận.

Về tiền lãi: Xét thấy theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả. Tuy nhiên, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến ngày Tòa án xét xử, theo lãi suất là 7,95%/năm tương đương 0,6625%/tháng, cụ thể tiền lãi được tính là: 455.097.140 đồng x 35 tháng x 0,6625%/tháng = 105.525.649 đồng là có lợi cho bị đơn và là sự tự nguyện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 455.097.140 đồng + 105.525.649 đồng = 560.622.789 đồng.

Về thời gian trả: Số tiền nợ đến nay đã lâu, để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn phải trả ngay cho nguyên đơn số tiền vốn và lãi như đã nêu trên làm một lần ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% (560.622.789 đồng – 400.000.000 đồng) = 26.424.911 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C.

Buộc Công ty cổ phần Đầu tư A phải trả số tiền nợ là: 455.097.140 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm bốn mươi) đồng theo biên bản đối chiếu công nợ năm 2020 (không ghi ngày tháng) và tiền lãi là: 105.525.649 (Một trăm lẻ năm triệu, năm trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm bốn mươi chín) đồng, tổng cộng là: 560.622.789 (Năm trăm sáu mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi chín) đồng, làm một lần ngày sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Đầu tư A phải chịu số tiền 26.424.911 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn, chín trăm mười một) đồng;

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu C không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 11.464.000 (Mười một triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0089292 ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng

